

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Nhật	Cường	3772050830	29/08/1995	,00	,00	,00	CT
2	Nguyễn Nam	Nghi	3772050837	06/09/1995	3,80	2,70	3,00	
3	Lê Duy	Phuong	3772050842	04/11/1995	10,00	2,50	4,80	
4	Huỳnh Thanh	Tùng	3772050843	01/02/1995	2,20	1,00	1,40	
5	Trần Văn	Công	3772050846	02/04/1995	3,60	3,90	3,80	
6	Lê Duy	Tùng	3772050848	26/02/1995	4,60	2,50	3,10	
7	Đoàn Tấn	Cánh	3772050854	10/06/1994	7,90	2,90	4,40	
8	Nguyễn Hữu	Vinh	3772050862	14/07/1994	7,90	3,10	4,50	
9	Nguyễn Hữu	Long	3772050866	27/02/1993	5,70	1,40	2,70	
10	Đình Phú	Thuận	3772050868	03/03/1995	7,60	2,50	4,00	
11	Phan Hồng	Sơn	3772050878	11/11/1995	6,70	2,90	4,00	
12	Phan Thanh	Phú	3772050880	12/03/1995	5,30	,50	1,90	
13	Nguyễn Thanh	Bình	3772050882	25/07/1993	3,00	2,90	2,90	
14	Nguyễn Trung	Can	3772050883	02/01/1995	7,90	3,50	4,80	
15	Lê Hoàng	Kiệt	3772050885	09/07/1995	6,10	1,20	2,70	
16	Nguyễn Quốc	Khánh	3772050898	28/03/1995	7,00	6,90	6,90	
17	Nguyễn Minh	Tiến	3772050903	11/07/1994	10,00	6,60	7,60	
18	Phạm Minh	Độ	3772050911	13/09/1994	6,40	3,70	4,50	
19	Phạm Tùng	Vũ	3772050916	25/02/1992	10,00	8,50	9,00	
20	Phan Văn	Chức	3772050922	20/03/1995	7,00	2,00	3,50	
21	Nguyễn Văn	Hậu	3772050928	08/11/1995	,00	,00	,00	CT
22	Lưu Chí	Đạt	3772050933	06/12/1994	9,20	4,00	5,60	
23	Đoàn Tấn	Lực	3772050941	04/11/1995	8,00	3,90	5,10	
24	Hồ Thành	La	3772050943	14/05/1994	3,00	1,60	2,00	
25	Hồ Thế	Phong	3772050944	06/01/1993	4,00	1,80	2,50	
26	K'	Ning	3772050945	30/04/1995	,00			
27	Nguyễn Tuấn	Duy	3772050947	14/02/1994	,00	,00	,00	CT
28	Trần Ngô Hoài	Phong	3772050949	16/05/1995	8,20	2,00	3,90	
29	Nguyễn Văn	Thắng	3772050951	16/01/1995	,00	,00	,00	CT
30	Nguyễn Văn	Thắng	3772050952	22/12/1995	5,70	2,70	3,60	
31	Dương Văn	Tấn	3772050957	16/03/1993	,00			
32	Phan Anh	Công	3772050958	02/09/1995	8,40	,70	3,00	
33	Võ Quốc	Huy	3772050959	18/03/1995	3,40			
34	Gập Thanh	Tuấn	3772051133	05/03/1993	10,00	4,90	6,40	
35	Dịp Ôn	Nhinh	3772051134	16/10/1994	8,40	2,00	3,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Hiếu	3772051154	13/09/1995	8,10	5,10	6,00	
37	Phan Tuấn	Vũ	3772051158	14/10/1994	8,00	2,10	3,90	
38	Lài Sau	Nghệ	3772051162	24/07/1994	5,20	2,60	3,40	
39	Trần Nguyễn Đình	Khánh	3772051167	19/02/1995	7,40	3,00	4,30	
40	Nguyễn Thành	Luân	3772051169	16/07/1995	,00			
41	Nguyễn Hà	Bảo	3772051181	10/08/1995	8,40	5,00	6,00	
42	Nguyễn Đức	Thông	3772051185	10/08/1994	3,30	1,20	1,80	
43	Trần Đình Hoàn	Hào	3772051193	20/01/1995	,00	,00	,00	CT
44	Nguyễn Phú	Quý	3772051212	02/10/1995	9,40	7,00	7,70	
45	Lê Trung	Hiếu	3772051213	27/10/1995	10,00	5,30	6,70	
46	Lê Kim	Thư	3772051221	05/04/1995	,00	,00	,00	CT
47	Đoàn Quang	Vinh	3772051255	04/01/1995	7,30	1,30	3,10	
48	Đặng Thanh	Phú	3772051257	02/10/1995	8,90	3,00	4,80	
49	Đặng Ngọc	Hùng	3772051265	20/05/1995	6,30	3,00	4,00	
50	Lê Xuân	Vương	3772051282	21/10/1993	6,20	2,90	3,90	
51	Nguyễn Văn	Liên	3772051307	28/02/1995	7,80	1,50	3,40	
52	Phạm Văn	Toàn	3772051313	17/12/1994	4,40	1,30	2,20	
53	Đặng Công	Tân	3772051314	24/02/1995	8,90	3,70	5,30	
54	Nguyễn Văn	Tân	3772051344	17/02/1995	10,00	1,40	4,00	
55	Phan Hữu	Của	3772051360	31/10/1995	9,80	4,30	6,00	
56	Dương Tiến	Đạt	3772051365	10/01/1995	9,10			
57	Trần Ngọc	Sơn	3772051388	08/12/1995	5,30	3,50	4,00	
58	Trần Hữu	Nghị	3772051402	12/08/1994	10,00	3,60	5,50	
59	Nguyễn Anh	Văn	3772051411	19/08/1995	4,70	1,50	2,50	
60	Đặng Văn	Nho	3772051419	09/10/1995	7,40	4,20	5,20	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)